

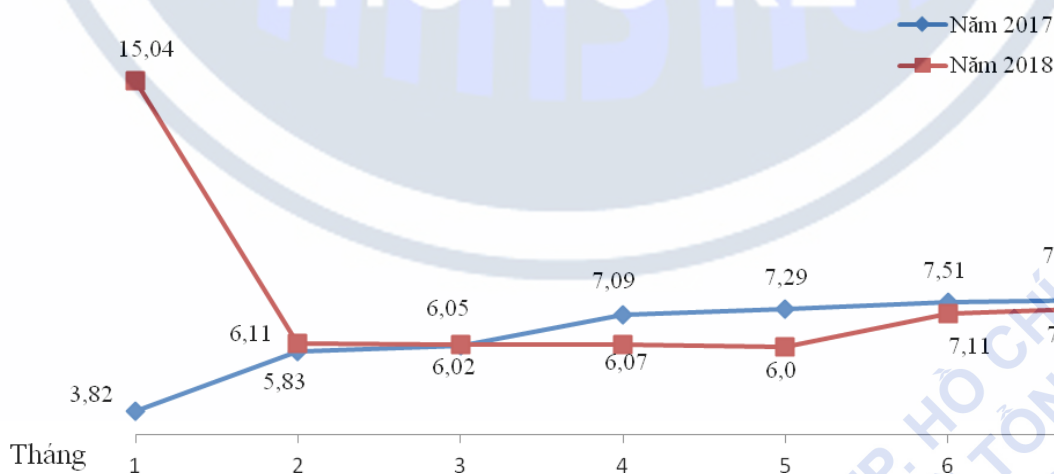
TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 7 và 7 tháng năm 2018

I. CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) ước tính tháng 7 tăng 1,71% so với tháng trước. Trong đó, ngành khai khoáng tăng 114,61%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,27%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 0,23%; ngành cung cấp và xử lý rác thải tăng 3,31%.

So với tháng 7/2017, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 10,44%. Tính chung 7 tháng đầu năm, **chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 7,33% so với cùng kỳ năm trước** (mức tăng của năm 2017 là 7,6%). Trong đó, ngành khai khoáng giảm 14,34% ; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,44%; sản xuất và phân phối điện tăng 9,24%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 5,63%.

Đồ thị chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) - %
(Công dồn đến tháng báo cáo)



Trong các ngành công nghiệp cấp 2, hầu hết đều có chỉ số sản xuất công nghiệp tăng so với cùng kỳ, cụ thể có 24/30 ngành tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, một số ngành có chỉ số sản xuất tăng: sản xuất giấy (+29,26%); sản xuất thiết bị điện (+23,58%); sản xuất phương tiện vận tải (+21,33%); sản xuất sản phẩm điện tử (+12,76%); sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+10,14%); sản xuất và phân phối điện (+9,24); sản xuất trang phục (+8,16%)... Ngành có chỉ số sản xuất giảm: in ấn

(-0,77%); sản xuất thuốc hóa dược (-3,86%); sản xuất kim loại (-4,63%); xe có động cơ (-8,06%)...

Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 7/2018 so với tháng 6/2018	7 tháng so với cùng kỳ
Tổng số	101,71	107,33
<i>Chia theo ngành cấp 1</i>		
1. Công nghiệp khai khoáng	214,61	85,66
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	101,27	107,44
3. SX và phân phối điện	100,23	109,24
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	103,31	105,63
<i>Một số ngành chủ yếu</i>		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	101,72	108,76
2. Sản xuất đồ uống	104,86	105,34
3. Sản xuất trang phục	103,04	108,16
4. Sản xuất da và SP liên quan	101,46	107,13
5. SX hóa chất và SP hóa chất	98,47	102,92
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	103,61	110,14
7. SP. từ khoáng phi kim loại	111,57	100,04
8. Sản xuất SP điện tử	110,31	112,76
9. Sản xuất thiết bị điện	100,61	123,58
10. Sản xuất xe có động cơ	91,75	91,94

Nhìn chung, chỉ số sản xuất công nghiệp của thành phố vẫn duy trì đà tăng trưởng khá và ổn định, đặc biệt là chỉ số sản xuất của 4 ngành công nghiệp trọng điểm luôn tăng cao hơn mức tăng chung của toàn ngành.

Các ngành thuộc 4 ngành công nghiệp trọng điểm: thời gian qua thành phố đã có nhiều đầu tư cho 4 ngành công nghiệp chủ lực giúp cho 4 ngành này phát triển tương đối tốt. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng chủ động mở rộng thị trường, đầu tư đổi mới thiết bị, nâng cao chất lượng, năng lực cạnh tranh của sản phẩm. Chỉ số sản xuất công nghiệp 4 ngành trọng điểm ước tính 7 tháng đầu năm tăng 8,9% so với cùng kỳ. Cụ thể như sau:

- Ngành chế biến lương thực thực phẩm, đồ uống tăng 7,51%;
- Ngành hóa dược tăng 5,17%;
- Ngành cơ khí tăng 12,25% chủ yếu do ngành sản xuất thiết bị điện tăng mạnh;
- Ngành sản xuất hàng điện tử tăng mạnh 12,76%, do có thị trường tiêu thụ ổn định và được quan tâm đầu tư phát triển thông qua việc tiếp thu trình độ khoa học kỹ thuật cao về sử dụng công nghệ bán dẫn, công nghệ vi mạch, bo mạch điện tử....

Chỉ số sản xuất của 4 ngành công nghiệp trọng điểm

Đơn vị tính: %

	Tháng 7 so so tháng 6	7 tháng so với cùng kỳ
Tổng số	102,51	108,90
A-Ngành chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống	102,87	107,51
10-Sản xuất chế biến thực phẩm	101,72	108,76
11-Sản xuất đồ uống	104,86	105,34
B-Ngành hóa dược	101,41	105,17
20-Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	98,47	102,92
21-Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	102,33	96,14
22-Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	103,61	110,14
C-Ngành sản xuất hàng điện tử	110,31	112,76
26-Sản xuất SP. điện tử, máy vi tính và SP quang học	110,31	112,76
D-Nhóm ngành cơ khí	98,99	112,25
25-Sản xuất SP từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	103,47	111,32
27-Sản xuất thiết bị điện	100,61	123,58
28-Sản xuất máy móc, thiết bị chưa phân vào đâu	95,32	115,53
29-Sản xuất xe có động cơ	91,75	91,94
30-Sản xuất phương tiện vận tải khác	87,17	121,33

2 ngành truyền thống¹: Trong thời gian gần đây doanh nghiệp đã quan tâm nhiều đến khâu thiết kế, may mẫu và chào hàng, xây dựng chuỗi kết nối dệt – nhuộm – may để cung ứng cho nhau, giảm nhập khẩu nguyên liệu. Ngoài ra, các doanh nghiệp tự tái cơ cấu, nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp, giảm dần việc nhập nguyên liệu và đã xuất được nguyên vật liệu vào một số nước làm cho ngành dệt, may da giày tăng trưởng trở lại

Chỉ số sản xuất 7 tháng của nhóm ngành truyền thống tăng 7,91% so cùng kỳ năm trước; trong đó, ngành dệt tăng 9,1%, ngành da giày tăng 7,13%, ngành may trang phục tăng 8,16%.

Về sản phẩm công nghiệp, hầu hết các sản phẩm sản xuất trong 7 tháng đầu năm đều tăng so với cùng kỳ. Những sản phẩm tăng cao: sắt thép các loại đạt 256,54 nghìn tấn, tăng 32,27%; đá xây dựng đạt 131,29 nghìn m³, tăng 27,33%; tivi đạt 6.291,6 nghìn cái, tăng 22,55%; bột giặt đạt 308,24 nghìn tấn, tăng 14,02%;

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tháng 7 giảm 1,31% so tháng trước và tăng 9,48% so với tháng cùng kỳ. Tính chung 7 tháng, chỉ số tiêu thụ tăng 7,13% so với cùng kỳ, những ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao như: sản xuất phương tiện vận tải; sản xuất giấy; sản xuất sản phẩm điện tử; sản xuất kim loại; dệt...

¹ Gồm: sản xuất trang phục (ngành may); ngành sản xuất da và sản phẩm liên quan (thuộc da, vali, túi xách, giày dép da)

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 1/7 tăng 7,49% so với tháng trước và tăng 12,73% so với cùng kỳ. Ngành có chỉ số tồn kho tăng như sản xuất kim loại; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; da; sản xuất thiết bị điện; sản xuất kim loại; sản xuất đồ uống... Bên cạnh đó có một ngành giảm như sản xuất giấy; sản xuất thuốc, hóa dược; sản xuất hóa chất; sản xuất xe có động cơ...

II. NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

1. Nông nghiệp

Diện tích lúa hè thu đã xuống giống ước đạt 6.054,9 ha, giảm 1,4% so tiến độ gieo trồng cùng kỳ năm trước; trong đó, huyện Củ Chi 3.577 ha, chiếm 59% diện tích, giảm 9,3%. Diện tích rau 6.734,2 ha, tăng 7,2% so cùng kỳ; cỏ làm thức ăn gia súc 4.170 ha, tăng 1,2%; hoa cây cảnh 1.317,1 ha, tăng 5,9% so cùng kỳ. Diện tích mía 1.830 ha, giảm 7,9%, chủ yếu giảm do chuyển đổi sang cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn.

Tình hình dịch tễ ổn định, không phát hiện dịch bệnh trên gia súc, gia cầm. Số lượng đàn trâu, bò ước tính 132.371 con, tăng 0,6% so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên đàn bò sữa giảm 3,6%. Tổng đàn heo trong tháng ước tính 285.618 con, giảm 7,8%; đàn gia cầm 334,2 ngàn con, tăng 7,7%.

2. Lâm nghiệp

Tổng diện tích rừng, đất lâm nghiệp trên địa bàn Thành phố hiện nay là 38.864 ha. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 17,46%, tỷ lệ che phủ rừng và cây xanh là 40,14%.

Trong tháng, Chi cục Kiểm lâm tổ chức kiểm tra 76 lượt phòng cháy chữa cháy rừng; 28 lượt nguồn gốc nuôi động vật hoang dã; kiểm tra nguồn gốc lâm sản 194 cơ sở.

Lũy kế 7 tháng: kiểm tra 580 lượt phòng cháy chữa cháy rừng; 327 lượt nguồn gốc nuôi động vật hoang dã; kiểm tra nguồn gốc lâm sản 950 đơn vị

3. Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 7 ước 5.196,3 tấn, tăng 3,6% so tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng khai thác 1.406,2 tấn, giảm 7%; nuôi trồng 3.790,1 tấn, tăng 8,1%.

Lũy kế 7 tháng, sản lượng thủy sản ước 32.657,8 tấn, tăng 2,7% so cùng kỳ năm trước, bao gồm:

- Sản lượng khai thác 9.519,7 tấn, giảm 15,1%. Trong đó: sản lượng khai thác thủy sản biển giảm 17,9% (cá đạt 5.602,7 tấn, giảm 11,6%; tôm 1.069 tấn, giảm 24,6%; thủy sản khác 1.538,6 tấn, giảm 31,4%), sản lượng khai thác thủy sản nội địa tăng 8,5%.

- Sản lượng nuôi trồng 23.138,1 tấn, tăng 12,5%, mức tăng này chủ yếu do nuôi trồng các loại thủy sản khác (trừ cá, tôm) đạt 12.281 tấn, tăng 24,7% so với cùng kỳ.

Tình hình thả nuôi tôm: tính đến ngày 10/07, có 356 lượt hộ thả nuôi tôm sú giống với 100,24 triệu con giống trên diện tích 3.318,6 ha. Tôm thẻ chân trắng có 1.322 lượt hộ thả nuôi với 391,06 triệu con giống trên diện tích 978,16 ha.

Dịch bệnh trên tôm: từ đầu năm đến nay, có 72 lượt hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 52,3 ha; 27 hộ với 11,66 ha được xử lý dập bệnh bằng thuốc của Quỹ phòng ngừa dịch bệnh, số còn lại hộ tự xử lý.

III. VỐN ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng

Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn thành phố 7 tháng ước thực hiện 186.904,4 tỷ đồng, tăng 12,8% so với cùng kỳ năm trước (7 tháng năm 2017 tăng 10,2%), đạt 45,3% so kế hoạch năm. Trong đó:

Vốn đầu tư xây dựng thuộc ngân sách thành phố tháng 7 tăng 6,9% so với tháng trước và tăng 18,4% so với tháng cùng kỳ. Lũy kế 7 tháng ước đạt 10.532,6 tỷ đồng, tăng 9,6% so với cùng kỳ (7 tháng năm 2017 tăng 6,6%).

Cấp thành phố 7 tháng ước đạt 6.342,3 tỷ đồng, tăng 14,2% so cùng kỳ, đạt 37,4% so kế hoạch năm; cấp quận/huyện 7 tháng ước đạt 4.190,3 tỷ đồng, tăng 3,3% so cùng kỳ, đạt 34,2% so kế hoạch năm.

Vốn đầu tư xây dựng 7 tháng ngân sách địa phương

	7 tháng (tỷ đồng)	(%) So với cùng kỳ 2017
Tổng vốn đầu tư	10.532,6	109,6
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	326,2	180,1
Cấp thành phố	6.342,3	114,2
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	313,9	2,8 lần
Cấp quận huyện	4.190,3	103,3
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	12,3	17,8

Bước vào đầu quý 3, tiến độ nhiều dự án đang đẩy nhanh thực hiện khối lượng, cụ thể một số dự án lớn như:

+ Hệ thống thoát nước Quốc lộ 13 đường Đinh Bộ Lĩnh – Nguyễn Xí, kế hoạch vốn năm 90 tỷ đồng, thực hiện 7 tháng ước đạt 58 tỷ đồng;

+ Xây dựng nghĩa trang chính sách thành phố giai đoạn 2, kế hoạch vốn năm 300 tỷ đồng, 7 tháng ước đạt 120 tỷ đồng;

+ Đường liên xã An Thới Đông – Lý Nhơn, huyện cần Giờ, kế hoạch vốn năm 200 tỷ đồng, 7 tháng ước đạt 150 tỷ đồng;

+ Đường Huỳnh Tấn Phát, Quận 7, kế hoạch vốn năm 120 tỷ đồng, 7 tháng ước đạt 80 tỷ đồng;

+ Bồi thường đường nối với cao tốc TP. HCM- Trung Lương, kế hoạch vốn năm 300 tỷ đồng, 7 tháng ước đạt 298 tỷ đồng;

+ Bồi thường giải phóng kênh nước kênh Hàng Bàng, kế hoạch vốn năm 500 tỷ đồng, 7 tháng ước đạt 480 tỷ đồng;

+ Bệnh viện đa khoa huyện Cần Giờ, kế hoạch vốn năm 120 tỷ đồng, 7 tháng ước đạt 100 tỷ đồng;

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm:

a. Xây dựng cầu vượt thép tại nút giao thông Nguyễn Thái Sơn – Nguyễn Kiệm:

- Gói thầu xây dựng phần đường song hành trên mặt bằng nút giao: Tạm ngưng do vướng mặt bằng;

- Gói thầu xây dựng nhánh cầu đường Nguyễn Kiệm phía công viên Gia Định - đường Nguyễn Thái Sơn và toàn bộ phần đường song hành trên đường Nguyễn Kiệm phía công viên Gia Định, phần đường mở rộng tạm ngưng thi công do vướng mặt bằng (đất quốc phòng).

b. Xây dựng hầm chui tại nút giao thông An Suông: Đang thi công (giai đoạn 2)

- Nhánh N2, hiện đã khởi công phía đường Trường Chinh, còn phía huyện Hóc Môn đang giải tỏa;

- Phần giải phóng mặt bằng tại huyện Hóc Môn còn chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công.

c. Dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên:

- Đang lắp ráp đường ray đoạn từ cầu Sài Gòn đến Ngã tư Thủ Đức;

- Gói thầu thi công đường hầm từ nhà ga Nhà hát Thành phố đến nhà ga Ba Son đã hoàn thành;

- Khối lượng thực hiện toàn tuyến ước đạt trên 56%.

2. Tình hình cấp phép xây dựng nhà ở hộ dân cư

Tính đến ngày 30/6, toàn thành phố đã cấp 32.351 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 6.443,1 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 31.282 giấy phép, với diện tích 6.316,3 ngàn m² và 1.069 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 126,8 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 7,4% về giấy phép (+2.222) và tăng 6,6% về diện tích (+397,3 ngàn m²).

3. Tình hình cấp giấy phép đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 15/7/2018, Thành phố đã có 527 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn với tổng vốn đăng ký đạt 498,1 triệu USD, tăng 23,1% về giấy phép và giảm 33% về vốn đăng ký so với năm 2017.

Điều chỉnh tăng vốn đầu tư có 144 dự án, vốn đạt 434,8 triệu USD. **Tổng vốn đăng ký cấp phép mới và tăng vốn đến ngày 15/7 đạt 932,9 triệu USD, bằng 82,6% so với cùng kỳ năm trước.**

Góp vốn, mua cổ phần có 1.573 trường hợp, tổng vốn đạt 3.670,8 triệu USD, gấp 2,3 lần so với cùng kỳ.

Phân loại các dự án được cấp phép mới:

Theo loại hình đầu tư: 100% vốn nước ngoài có 477 dự án, vốn đăng ký đạt 470 triệu USD (chiếm 94,4%); liên doanh 49 dự án, vốn đạt 28,1 triệu USD (chiếm 5,6%); hợp đồng hợp tác kinh doanh 1 dự án, vốn đầu tư 6 ngàn USD.

Theo lĩnh vực đầu tư: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 23 dự án, vốn đầu tư đạt 132,5 triệu USD (chiếm 26,6%); hoạt động kinh doanh bất động sản 20 dự án, vốn đạt 124,3 triệu USD (chiếm 25%); thương mại 189 dự án, vốn đầu tư 99,4 triệu USD (chiếm 20%); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ 136 dự án, vốn đầu tư 85,6 triệu USD (chiếm 17,2%); thông tin và truyền thông 78 dự án, vốn đầu tư 24,5 triệu USD (chiếm 4,9%); xây dựng 26 dự án, vốn đầu tư 12,2 triệu USD (chiếm 2,4%); vận tải kho bãi 20 dự án, vốn đầu tư 11,2 triệu USD (chiếm 2,2%).

Theo đối tác đầu tư: có 46 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư trên địa bàn. Trong đó, đứng đầu là Hàn Quốc với 104 dự án, vốn đầu tư đạt 151,3 triệu USD, chiếm 30,4% tổng vốn cấp mới. Kế đến là Singapore 79 dự án, vốn đầu tư 110,4 triệu USD, chiếm 22,2%. Na Uy 3 dự án, vốn đầu tư 70,1 triệu USD, chiếm 14,1%; Nhật Bản 87 dự án, vốn đầu tư 52,1 triệu USD, chiếm 10,5%; Hồng Kông 31 dự án, vốn đầu tư 34,2 triệu USD, chiếm 6,9%; Anh 19 dự án, vốn đầu tư đạt 28,2 triệu USD, chiếm 5,7%; Hoa Kỳ 24 dự án, vốn đầu tư 11,3 triệu USD, chiếm 2,3%.

4. Đăng ký thành lập doanh nghiệp

Từ đầu năm đến ngày 15/7/2018, thành phố đã cấp phép cho 23.481 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký đạt 304.923 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước, số giấy phép tăng 5,5%, vốn tăng 4,3%. Trong đó, 9 ngành dịch vụ chủ yếu có số lượng là giấy phép là 16.738, chiếm 71,3%, tăng 7,1% so với cùng kỳ; vốn đăng ký 214.217 tỷ đồng, giảm 2,7%.

Phân theo loại hình: Công ty trách nhiệm hữu hạn có 20.397 doanh nghiệp, tăng 5,7%; vốn đăng ký đạt 131.521 tỷ đồng, giảm 21,1%. Công ty cổ phần có 2.840 đơn vị, tăng 8%; vốn đăng ký 173.260 tỷ đồng, tăng 38,1% so với cùng kỳ. Doanh nghiệp tư nhân có 240 đơn vị, giảm 24,8%; vốn đăng ký đạt 139 tỷ đồng, vốn giảm 30,1%.

Phân theo khu vực:

– **Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản:** số lượng cấp phép là 99 đơn vị, giảm 21,4%; vốn đăng ký đạt 3.827 tỷ đồng, gấp 3,8 lần so cùng kỳ năm trước.

– **Khu vực công nghiệp, xây dựng:** cấp phép 4.803 doanh nghiệp, giảm 1,4% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 79.815 tỷ đồng, tăng 31,2%. Trong đó, xây dựng 2.412 đơn vị, tăng 3,3%; vốn đạt 32.550 tỷ đồng, giảm 25,5%. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có 2.249 giấy phép, giảm 6,6%; vốn đăng ký 42.220 tỷ đồng, gấp 3,6 lần so với cùng kỳ.

– **Khu vực thương mại, dịch vụ:** có 18.579 doanh nghiệp được cấp phép, tăng 7,7% so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký đạt 221.281 tỷ đồng, giảm 4%. Trong đó, **hoạt động kinh doanh bất động sản** có 1.661 đơn vị, vốn đăng ký đạt 124.758 tỷ đồng (chiếm 56,4% tổng vốn khu vực); so với cùng kỳ năm trước, giấy phép tăng 25,7% và vốn tăng 8,4%. **Thương mại** 8.762 đơn vị, tăng 3,6%; vốn đăng ký đạt 43.835 tỷ đồng (chiếm 19,8%), giảm 14,8%. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ 2.286 đơn vị, tăng 7,5%; vốn đăng ký 12.825 tỷ đồng (chiếm 5,8%), giảm 34,8% so với cùng kỳ năm trước.

IV. NỘI THƯƠNG

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 7 dự ước đạt 86.955 tỷ đồng, tăng 1,1% so với tháng trước và tăng 15,9% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu bán lẻ trong ước đạt 54.711 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ; dịch vụ lưu trú và ăn uống 9.596 tỷ đồng, tăng 19,5%; du lịch, lữ hành 1.912 tỷ đồng, tăng 12%; dịch vụ khác ước đạt 20.736 tỷ đồng, tăng 19,9%.

Lũy kế 7 tháng năm 2018, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 594.635 tỷ đồng, tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước.
Trong đó:

* **Chia theo thành phần kinh tế:** kinh tế nhà nước ước đạt 38.171 tỷ đồng, tăng 2,7% so với cùng kỳ năm trước; kinh tế ngoài nhà nước đạt 465.912 tỷ đồng, chiếm 78,4%, tăng 12,0%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 90.552 tỷ đồng, chiếm 15,2%, tăng 19,7%.

* **Chia theo ngành kinh tế:**

– **Thương nghiệp:** ước đạt 382.357 tỷ đồng, tăng 12,8% so với cùng kỳ. Trong đó, nhóm hàng lương thực, thực phẩm ước đạt 66.744 tỷ đồng, tăng 13,7%; nhóm đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình đạt 75.842 tỷ đồng, tăng 14,7%; xăng dầu các loại đạt 32.552 tỷ đồng, tăng 14,4%; nhóm hàng may mặc đạt 25.699 tỷ đồng, tăng 12,5%.

– **Dịch vụ lưu trú và ăn uống:** ước đạt 64.385 tỷ đồng, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, dịch vụ ăn uống 56.983 tỷ đồng, tăng 11,5%; dịch vụ lưu trú 7.402 tỷ đồng, tăng 16,9%.

– **Du lịch, lữ hành:** ước đạt 11.808 tỷ đồng, tăng 18,9% so với cùng kỳ năm trước.

– **Dịch vụ tiêu dùng khác:** doanh thu ước đạt 136.085 tỷ đồng, tăng 11,2% so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 83.222 tỷ đồng, tăng 11,6% so với cùng kỳ.

V. XUẤT - NHẬP KHẨU

1. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố qua các cửa khẩu trên cả nước ước thực hiện tháng 7 năm 2018 đạt 3.434,1 triệu USD, tăng 5,3% so tháng trước. **Ước tính 7 tháng đạt 21.370,2 triệu USD, tăng 7,0% so cùng kỳ.**

Loại trừ dầu thô, trị giá xuất khẩu 7 tháng ước đạt 19.925,8 triệu USD, tăng 10,1% so cùng kỳ.

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố xuất qua cửa khẩu Thành phố như sau:

Tổng kim ngạch xuất khẩu bao gồm dầu thô ước thực hiện tháng 7 đạt 3.063,8 triệu USD, tăng 3,5% so tháng trước. Ước tính 7 tháng đạt 19.431,7 triệu USD, tăng 3,8% so cùng kỳ. Loại trừ dầu thô ước 7 tháng đạt 17.987,3 triệu USD, tăng 6,8% so cùng kỳ. Chia ra:

+ Thành phần kinh tế nhà nước đạt 2.013,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 10,4%, giảm 12,6%.

+ Thành phần kinh tế ngoài nhà nước đạt 6.461,2 triệu USD, chiếm tỷ trọng 33,3%, tăng 6,1%.

+ Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 10.956,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 56,4%, tăng 6,1%.

Thị trường xuất khẩu chủ yếu: đứng đầu là Trung Quốc với 3.640,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 18,7%, tăng 1,5% so cùng kỳ; vị trí thứ 2 là Hoa Kỳ với 3.262,6 triệu USD, chiếm 16,8%, giảm 2,4%; vị trí thứ 3 là Nhật Bản với 1.837,8 triệu USD, chiếm 9,5%, tăng 4,9%; vị trí thứ 4 là Hồng Kông với 1.080,7 triệu USD, chiếm 5,6%, tăng 42,6%; vị trí thứ 5 là Hàn Quốc với 971,8 triệu USD, chiếm 5,0%, tăng 6,2% so cùng kỳ.

Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu (không kể dầu thô):

- **Nhóm hàng nông lâm thủy hải sản** đạt 3.057,7 triệu USD, tăng 20,4% so cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 17,0%. Trong đó:

+ Gạo đạt 565,6 triệu USD, tăng 18,6%. Lượng gạo xuất khẩu đạt 478,8 ngàn tấn, giảm 7,4%.

+ Cà phê đạt 475,8 triệu USD, giảm 5,9% so cùng kỳ. Lượng cà phê xuất khẩu đạt 277,6 ngàn tấn, giảm 2,6%.

+ Cao su đạt 300,1 triệu USD, giảm 21,5% so cùng kỳ. Lượng cao su xuất khẩu đạt 144,8 ngàn tấn, giảm 5,2%.

+ Hàng thủy hải sản đạt 519,5 triệu USD, tăng 23,7%.

+ Hàng lâm sản đạt 318,7 triệu USD, tăng 6,5%.

- **Nhóm hàng công nghiệp** đạt 13.512,0 triệu USD, tăng 8,1% và chiếm tỷ trọng 75,1%. Trong đó:

+ Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 5.027,7 triệu USD, tăng 9,2% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 28,0% trong kim ngạch xuất khẩu không kể giá trị dầu thô.

+ Hàng dệt, may ước đạt 3.223,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 17,9%, tăng 5,9% so cùng kỳ.

+ Hàng giày dép ước đạt 1.478,0 triệu USD, chiếm tỷ trọng 8,2%, giảm 3,4% so cùng kỳ.

+ Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng ước đạt 1.353,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 7,5%, tăng 9,8% so cùng kỳ.

- **Nhóm hàng hóa khác** đạt 1.417,5 triệu USD, tăng 2,9%.

* Riêng dầu thô: ước đạt 2.582,0 ngàn tấn, giảm 44,5%; về trị giá đạt 1.444,4 triệu USD, giảm 22,8% so cùng kỳ.

2. Nhập khẩu

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp Thành phố qua các cửa khẩu trên cả nước ước thực hiện tháng 7 đạt 4.010,4 triệu USD, tăng 6,0% so tháng trước. Ước tính 7 tháng đạt **26.701,1 triệu USD, tăng 10,3% so cùng kỳ.**

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố nhập qua cửa khẩu Thành phố như sau:

Tổng kim ngạch nhập khẩu tháng 7 ước đạt 3.511,5 triệu USD, tăng 2,3% so tháng trước. Ước tính 7 tháng đạt 23.155,9 triệu USD, tăng 11,7% so cùng kỳ. Chia ra:

+ Thành phần kinh tế nhà nước đạt 1.103,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 4,8%, tăng 3,3%.

+ Thành phần kinh tế ngoài nhà nước đạt 12.380,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 53,5%, tăng 15,2%.

+ Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 9.671,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 41,7%, tăng 8,5%;

Thị trường nhập khẩu chủ yếu: đứng đầu là Trung Quốc với 7.471,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 32,3%, tăng 27,4% so cùng kỳ; vị trí thứ 2 là Singapore với 1.974,8 triệu USD, chiếm 8,5%, tăng 13,4%; vị trí thứ 3 Hàn Quốc là với 1.834,4 triệu USD, chiếm 7,9%, tăng 0,9%; vị trí thứ 4 là Thái Lan với 1.522,6 triệu USD, chiếm 6,6%, tăng 16,7%; vị trí thứ 5 là Nhật Bản với 1.310,7 triệu USD, chiếm 5,7%, tăng 12,9% so cùng kỳ.

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong 7 tháng năm 2018:

(Chỉ tính kim ngạch của doanh nghiệp Thành phố nhập qua cảng Thành phố)

+ Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: nhập 4.915,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 21,2%, tăng 1,2% so cùng kỳ.

+ Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng: nhập 3.239,2 triệu USD, chiếm tỷ trọng 14,0%, tăng 23,4%.

+ Vải các loại: nhập 1.456,6 triệu USD, tăng 8,2%.

+ Chất dẻo nguyên liệu: nhập 1.219,9 triệu USD, tăng 17,5%.

+ Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày: nhập 430,1 triệu USD, giảm 0,6%.

+ Sắt thép các loại: nhập 1.540,8 ngàn tấn, giảm 18,5%; kim ngạch đạt 939,6 triệu USD, tăng 8,9%.

+ Dược phẩm đạt 828,7 triệu USD, tăng 2,9%.

VI. VẬN TẢI

Tổng doanh thu vận chuyển hàng hóa, hành khách và bốc xếp tháng 7 ước đạt 8.970,3 tỷ đồng, tăng 2,7% so với tháng trước, so với tháng cùng kỳ tăng 9,3%. Ước tính 7 tháng 61.439,1 tỷ đồng, tăng 11,3% so cùng kỳ.

– **Vận tải hàng hóa:** Doanh thu tháng 7 ước đạt 5.331,5 tỷ đồng, tăng 2,6% so tháng trước. Luỹ kế 7 tháng ước đạt 37.261,1 tỷ đồng, tăng 9,7% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 84,9%, tăng 11,2% so cùng kỳ; kinh tế nhà nước chiếm 6,4%, bằng 89,3% so cùng kỳ; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 0,7%, tăng 43%.

Doanh thu vận tải hàng hóa đường bộ 7 tháng chiếm tỷ trọng 60,5%, tăng 10,3% so cùng kỳ; đường biển chiếm tỷ trọng 29,5%, tăng 8,8% so cùng kỳ; đường sông chiếm tỷ trọng 9,7%, tăng 8,3%.

– **Vận tải hành khách:** Doanh thu tháng 7 ước 2.463,0 tỷ đồng, tăng 2,8% so tháng trước. Luỹ kế 7 tháng ước đạt 16.301,7 tỷ đồng, tăng 17,8% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 74,3%, tăng 16,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 24,4%, tăng 22,9%.

Doanh thu vận tải hành khách đường bộ 7 tháng chiếm tỷ trọng 75,6%, tăng 16,0% so cùng kỳ; đường hàng không chiếm tỷ trọng 23,1%, tăng 25% so cùng kỳ; đường sông chiếm tỷ trọng 1,2%, tăng 3,4%.

– **Bức xếp:** Doanh thu tháng 7 ước đạt 1.175,8 tỷ đồng, tăng 3,2% so tháng trước. Bảy tháng ước 7.876,3 tỷ đồng, tăng 6,9% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 63,9%, tăng 33,0% so cùng kỳ; kinh tế nhà nước chiếm 63,1%, bằng 79,2% so cùng kỳ.

VII. TÀI CHÍNH

1. Ngân sách

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước 7 tháng năm 2018 ước thực hiện 214.447 tỷ đồng, đạt 56,92% dự toán, tăng 7,17% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 142.556 tỷ đồng, đạt 55,64% dự toán, tăng 10,18% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 13.824 tỷ đồng, đạt 109,97% dự toán, tăng 41,74% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 58.000 tỷ đồng, đạt 53,70% dự toán, giảm 4,86% so cùng kỳ.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2018 (Tỷ đồng)		% thực hiện 7 tháng so với	
	Dự toán	Ước TH 7 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2017
Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước	376.780	214.447	56,92	107,17
I- Thu nội địa	256.210	142.556	55,64	110,18
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	26.000	14.384	55,32	107,67
2. Khu vực ngoài nhà nước	64.000	37.493	58,58	123,93
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	75.110	36.247	48,26	104,28
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	108.000	58.000	53,70	95,14
III- Thu từ dầu thô	12.570	13.824	109,97	141,74

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 10,09% tổng thu nội địa, tăng 7,67% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương ước thực hiện 9.967 tỷ đồng, đạt 54,17% dự toán, tăng 8,60% so cùng kỳ; Nhà nước địa phương ước thực hiện 4.417 tỷ đồng, đạt 58,12% dự toán, tăng 5,64% so cùng kỳ. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 37.493 tỷ đồng, đạt 58,58% dự toán, tăng 23,93% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 36.247 tỷ đồng, đạt 48,26% dự toán, tăng 4,28% so cùng kỳ.

Thu cân đối ngân sách địa phương 7 tháng năm 2018 ước thực hiện 44.657 tỷ đồng, đạt 57,49% dự toán, tăng 1,95% so cùng kỳ năm 2017.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 7 tháng năm 2018 ước thực hiện 27.676 tỷ đồng, đạt 31,86% dự toán, giảm 6,90% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2018 (Tỷ đồng)		% thực hiện 7 tháng so với	
	Dự toán	Ước TH 7 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2017
Tổng chi (trừ tạm ứng)	86.866	27.676	31,86	93,10
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	36.165	9.519	26,32	74,70
II- Chi thường xuyên	36.500	16.568	45,39	103,43
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	6.278	2.327	37,07	112,73
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	11.264	4.898	43,49	104,11
Sự nghiệp y tế	2.176	862	39,60	78,77
Quản lý hành chính	6.362	2.944	46,27	100,65

Chi đầu tư phát triển 9.519 tỷ đồng, đạt 26,32% dự toán, giảm 25,30% so cùng kỳ. Chi thường xuyên 16.568 tỷ đồng, đạt 45,39% dự toán, tăng 3,43% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 2.327 tỷ đồng, đạt 37,07% dự toán, tăng 12,73%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 4.898 tỷ đồng, đạt 43,49% dự toán, tăng 4,11%; chi sự nghiệp y tế 862 tỷ đồng, đạt 39,60% dự toán, giảm 21,23%; chi quản lý hành chính 2.944 tỷ đồng, đạt 46,27% dự toán, tăng 0,65% so cùng kỳ 2017.

2. Ngân hàng

Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 7 đạt 2.135,66 ngàn tỷ đồng, tăng 1,69% so với tháng trước (chỉ số này của tháng trước: +0,83%); tăng 13,83% so với tháng cùng kỳ. Trong đó, vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 51,74% tổng vốn huy động, tăng 11,04% so tháng cùng kỳ. Tiền gửi tiết kiệm chiếm tỷ trọng 46,58% tổng vốn huy động, tăng 6,26% so với tháng cùng kỳ.

Theo loại tiền gửi, vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 10,72%, tăng 4,77% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ tiếp tục tăng trưởng nhanh và chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng nguồn vốn, chiếm 89,28%; tăng 15,02% so tháng cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 7 đạt 1.912,57 ngàn tỷ đồng, tăng 16,73% so với tháng cùng kỳ và tăng 8,59% so với tháng 12/2017. Trong đó, dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 1.002,48 ngàn tỷ đồng, chiếm 52,42% tổng dư nợ, tăng 12,6% so tháng cùng kỳ. Dự ước dư nợ tín dụng tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao so với các năm trước giúp cho doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận nguồn vốn vay góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế.

Theo loại tiền, dư nợ bằng ngoại tệ đạt 174,53 ngàn tỷ đồng, chiếm 9,13% tổng dư nợ, tăng 13,47% so với cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 1.738,04 ngàn tỷ đồng, chiếm 90,87% tổng dư nợ, tăng 17,06% so với tháng cùng kỳ.

3. Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 06 năm 2018, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 364 gồm 360 mã cổ phiếu, 2 mã chứng chỉ quỹ và 2 mã quỹ ETF; tăng 4 mã cổ phiếu so với cuối tháng trước (ngày 04/06/2018 mã cổ phiếu TCB của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam giao dịch phiên đầu tiên; ngày 13/06/2018 hủy niêm yết mã cổ phiếu TV1 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1; ngày 15/06/2018 mã cổ phiếu DBD của Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định giao dịch phiên đầu tiên; ngày 26/06/2018 mã cổ phiếu YEG của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 giao dịch phiên đầu tiên; ngày 29/06/2018 mã cổ phiếu TVB của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt, VPI của Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest giao dịch phiên đầu tiên; mã trái phiếu mới phát sinh giao dịch trong tháng này: SDI11717 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng).

Giá trị vốn hóa thị trường là 3.048.495 tỷ đồng, tăng 16,62% so với cuối năm 2017. Trong tháng 06/2018 có 21 phiên giao dịch, 13 phiên tăng điểm và 8 phiên giảm điểm. VN-Index có xu hướng giảm về cuối tháng. Đến cuối tháng 06/2018, VN-Index đạt 960,78 điểm, giảm 2,38% (tương ứng giảm 23,46 điểm) so với cuối năm 2017.

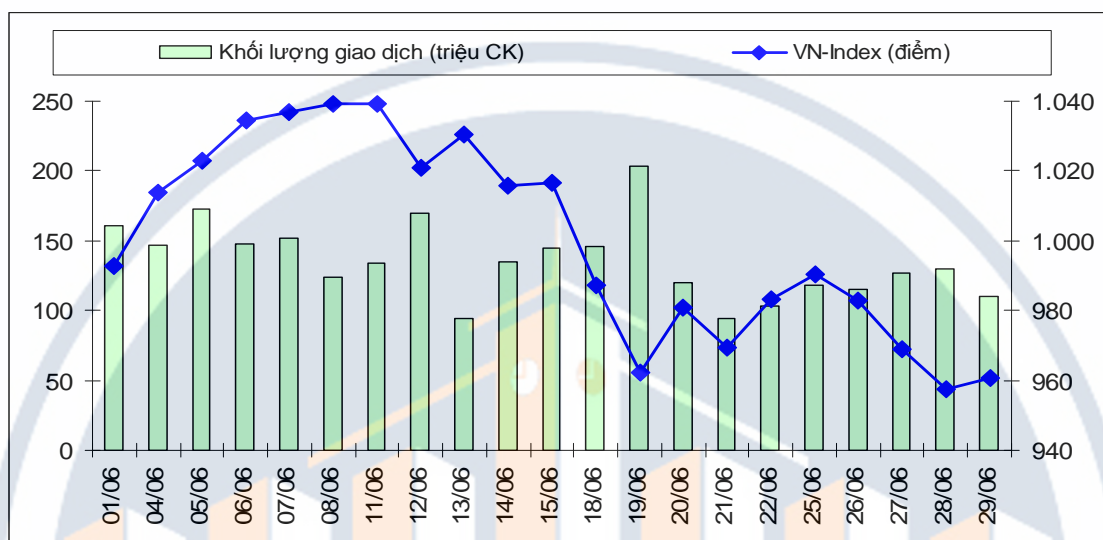
Khối lượng giao dịch trong tháng 06/2018 đạt 3.540,36 triệu chứng khoán, giảm 8,21% so với tháng trước. Giá trị giao dịch trong tháng đạt 104.125,89 tỷ đồng, giảm 26,66% so tháng trước. Trung bình mỗi phiên có 168,59 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 4.958,38 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên giảm 3,84% và giá trị giao dịch giảm 23,17% so với tháng trước.

Đến cuối tháng 06/2018, VN-Index đạt giá trị thấp nhất vào ngày 28/05 với 931,75 điểm và đạt giá trị cao nhất vào ngày 09/04 với 1.204,33 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 06/2018	6 tháng năm 2018	Tháng 06 so tháng 05	6 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	3.540,36	26.472,95	91,79	118,08
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	3.482,51	25.974,84	91,94	116,47
Trái phiếu	26,34	120,00	85,03	126,20
Chứng chỉ quỹ & ETF	31,51	378,11	82,27	1.745,66
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	2.848,68	22.399,45	98,21	111,20
Giao dịch thỏa thuận	691,68	4.073,50	72,31	179,00
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	104.125,89	819.043,72	73,34	176,36
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	100.957,44	800.138,16	73,08	176,15
Trái phiếu	2.670,24	12.367,88	83,20	124,62
Chứng chỉ quỹ & ETF	498,21	6.537,68	81,59	2.572,67
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	77.488,76	632.518,35	92,60	159,58
Giao dịch thỏa thuận	26.637,13	186.525,37	45,70	274,13

Đồ thị VN-Index tháng 06/2018 trên SGDCK TP.HCM



Cập nhật đến ngày 16/07/2018, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 363. Giá trị vốn hóa thị trường là 2.893.628 tỷ đồng, tăng 10,69% so với cuối năm trước; VN-Index đạt 911,11 điểm, giảm 73,13 điểm (tương ứng giảm 7,43%) so với cuối năm 2017.

VIII. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/5/2018 đến ngày 15/6/2018)

1.1. Vi phạm kinh tế, môi trường

Lĩnh vực kinh tế: khám phá 92 vụ/83 đối tượng vi phạm, gồm: kinh doanh hàng hóa không hóa đơn chứng từ, không rõ nguồn gốc xuất xứ, không tem phụ (14 vụ/14 đối tượng); vận chuyển, buôn bán hàng ngoại nhập lậu (18 vụ/19 đối tượng); vận chuyển, kinh doanh hàng cấm (20 vụ/11 đối tượng); kinh doanh không phép, không đúng nơi đăng ký kinh doanh, không đúng thời gian quy định (23 vụ/22 đối tượng); sản xuất, kinh doanh hàng giả nhãn hiệu các loại, hàng kém chất lượng (05 vụ/05 đối tượng); vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước (01 vụ/01 đối tượng); buôn lậu (02 vụ/02 đối tượng); lừa đảo chiếm đoạt tài sản (02 vụ/ 02 đối tượng) và vi phạm khác (07 vụ/ 07 đối tượng). Đã khởi tố mới: 57 vụ/16 bị can; đề nghị truy tố: 05 vụ/06 bị can. Thu giữ hàng hóa trị giá trên 14 tỷ đồng.

Lĩnh vực môi trường: đã lập 32 biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, thú y, thức ăn chăn nuôi. Đề xuất ra quyết định ban hành 42 quyết định xử phạt vi phạm hành chính, thu về ngân sách khoảng 3 tỷ đồng.

1.2. Phạm pháp hình sự

Xảy ra 372 vụ, giảm 10,6% (-44 vụ) so với cùng kỳ năm 2017; làm chết 05 người, bị thương 50 người, thiệt hại tài sản trị giá khoảng 13,4 tỷ đồng. Trong đó,

có 05 loại án được kéo giảm gồm: giết người (-06 vụ); cố ý gây thương tích (-15 vụ); bắt giữ người trái pháp luật (-01 vụ); chống người thi hành công vụ (-02 vụ); trộm tài sản (-29 vụ). Tuy nhiên, có 04 loại án tăng gồm: hiếp dâm (+03 vụ); giao cấu với trẻ em (+03 vụ); cướp giật tài sản (+73 vụ) và loại án khác (+11 vụ). Trong cơ cấu tội phạm thì các vụ án xâm phạm sở hữu vẫn chiếm tỷ lệ cao chiếm 84,4%, trong đó án cướp xảy ra 12 vụ, án cướp giật xảy ra 73 vụ và án trộm xảy ra 209 vụ.

Số vụ phạm pháp hình sự đã được điều tra khám phá nhanh là 248 vụ (đạt 66,7%) và bắt 310 người vi phạm. Bắt, vận động đầu thú và thanh loại 39 đối tượng có lệnh truy nã (trong đó bắt 13 tên, vận động đầu thú 14 tên và thanh loại 12 tên).

1.3. Phòng chống tệ nạn xã hội

Ma túy: khám phá 133 vụ, bắt 281 tên có hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Đã khởi tố 113 vụ với 154 người vi phạm; xử lý hành chính 20 vụ với 127 người vi phạm.

Mại dâm và tệ nạn xã hội khác: phát hiện xử lý 02 vụ với 09 đối tượng hoạt động mại dâm; xử lý 42 vụ với 217 đối tượng tổ chức và tham gia đánh bạc.

1.4. Trật tự an toàn giao thông

Trong tháng xảy ra 305 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 49 người, bị thương 214 người. Trong đó có 58 vụ tai nạn giao thông đường bộ từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 14,7% (-10 vụ) so với cùng kỳ năm trước, làm chết 49 người, bị thương nặng 18 người và 247 vụ va chạm, làm bị thương nhẹ 196 người, hư hỏng 325 xe các loại. Không xảy ra TNGT đường sắt.

Về tình hình tai nạn giao thông đường thủy: đã kiểm tra 4.439 phương tiện, phát hiện 4.303 trường hợp vi phạm và ra quyết định xử phạt khoảng 1,1 tỷ đồng; xảy ra 03 vụ va chạm trên tuyến thủy nội địa, không gây thiệt hại về người.

Đã lập biên bản hành chính 48.082 trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, tước giấy phép lái xe 7.235 trường hợp, tạm giữ 4.193 xe các loại, ...Ra quyết định xử phạt 29.749 trường hợp, chuyển kho bạc nhà nước khoảng hơn 14 tỷ đồng.

1.5. Về tình hình cháy, nổ

Tình hình cháy: đã xảy ra 33 vụ cháy giảm 21,43% (-09 vụ) so với cùng kỳ năm trước, làm 02 người bị thương, thiệt hại về tài sản khoảng 108 triệu đồng (trong đó có 07 vụ chưa ước tính được thiệt hại). Nguyên nhân phổ biến do sự cố các hệ thống, thiết bị sử dụng điện (chiếm 19 vụ).

Đồng thời xảy ra 01 vụ cháy lớn thiêu rụi khoảng 1.700m² diện tích nhà xưởng cùng một số lượng lớn vải thành phẩm, bao bì; chưa ước tính được thành tiền. Nguyên nhân vụ cháy đang được điều tra làm rõ.

Tình hình nổ: trong tháng thành phố không có xảy ra vụ nổ nào.

2. Tình hình giải quyết việc làm

Từ ngày 06/6/2018 đến ngày 10/7/2018, hệ thống đơn vị dịch vụ việc làm đã giải quyết việc làm cho 40.601 lao động vào làm việc; số chỗ việc làm mới tạo ra là 7.835 chỗ.

Trong 7 tháng đầu năm 2018, đã có 200.956 lượt người được giải quyết việc làm, đạt 67,0% so với kế hoạch; số chỗ việc làm mới tạo ra là 90.400 chỗ làm mới, đạt 69,5% so với kế hoạch.

Tình hình về chính sách bảo hiểm thất nghiệp: trong tháng 6 trên địa bàn thành phố có 18.694 người nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp; 17.548 người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp; 24.845 người được tư vấn, giới thiệu việc làm; 2.031 người được hỗ trợ học nghề.

Tính đến 7 tháng đầu năm 2018 có 76.564 lao động nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp; 69.459 người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp; 100.502 người được tư vấn, giới thiệu việc làm; 8.901 người được hỗ trợ học nghề.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 7 và 7 tháng năm 2018.

STATISTICS
THỐNG KÊ

CỤC THỐNG KÊ TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG THỐNG KÊ TỔNG HỢP
ĐT: 38 299 838, 38 244 733